TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/DS-PT
Ngày 02 – 4 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Ninh Qu Thế

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Công Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Từ Thanh Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 465/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 338/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Chiến C (còn gọi: Châu Thành C), sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 50, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của ông Châu Chiến C: Ông Nguyễn Thanh Sang, sinh năm 11; Địa chỉ cư trú: Số 344/2A, đường Nguyễn Duy, phường 15, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thu T (còn gọi: Nguyễn Thị T), sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của bà T:

1. Ông Trương Lợi, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Số 20, đường Nguyễn Bình (Khu đô thị mới Tài Lộc), ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 10 năm 2023, có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Nhánh, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 10 năm 2023, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Châu Chí C2, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C

2. Ông Châu Thái Biết (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Biết:

2.1. Bà Trương Thanh T, sinh năm 113 (vắng mặt).

2.2. Ông Châu Chiến C, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

2.3. Bà Châu Hồng H, sinh năm 114 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 50, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C ..

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 121 (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 120 (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Hồng Ng2, sinh năm 119 (vắng mặt).

6. Ông Trần Văn L, sinh năm 118 (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 117 (vắng mặt).

8. Bà Trần Thị Tú A, sinh năm 116 (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 115 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C ..

10. Bà Châu Hồng H, sinh năm 114.

11. Bà Trương Thanh T, sinh năm 113.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 50, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C . (vắng mặt).

12. Ông Lê Văn Th, sinh năm 111 (vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 110 (vắng mặt).

14. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 19 (vắng mặt).

15. Ông Triệu Phú C, sinh năm 18 (vắng mặt).

16. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 17 (vắng mặt).

17. Ông Nguyễn Văn M2, sinh năm 16 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C ..

18. Bà Nguyễn Thị Ph (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phú:

18.1. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1965 (vắng mặt).

18.2. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C ..

19. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 14 (có mặt)

20. Ông Lê Oanh L, sinh năm 13 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C ..

21. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành C, quận Ba Đình, Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng: Ông Lê Quốc Thống – Phó Giám đốc, địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C . (vắng mặt).

22. Ủy ban nhân dân huyện Cái N1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thu T bị đơn; anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Chiến Chiến C (Châu Thành C) và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Châu Thái Biết nhận chuyển nhượng ngày 25/10/2007 của bà Nguyễn Thị Mùi diện tích 2.599,2m^2; nhận chuyển nhượng ngày 13/02/1998 của ông Nguyễn Văn Dũng diện tích 3.870m^2 và 360m^2 theo Quyết dịnh số 52/QĐ-UB ngày 18/9/2007; nhận chuyển nhượng ngày 10/3/1998 của ông Nguyễn Văn Thới diện tích 04 công tầm 03m tương đương 5.184m^2. Tổng diện tích 03 phần đất khoảng 12.013m^2, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C ..

Ông Châu Chiến C (Thành C) nhận chuyển nhượng ngày 07/3/1997 của ông Triệu Phú Côn diện tích 05 cồng tầm 03m; nhận chuyển nhượng 07/3/1997 của ông Nguyễn Văn Q 05 cồng tầm 03m; nhận chuyển nhượng ngày 07/3/1997 của ông Nguyễn Văn M2 06 công tầm 03m; nhận chuyển nhượng ngày 07/3/1997 của bà Nguyễn Thị Ph diện tích 10 cồng tầm 03m. Tổng diện tích ông Châu Chiến C (Thành C) đã nhận chuyển nhượng là 41.269m^2. Ngày 23/10/2003, ông Châu Chiến C (Thành C) được Ủy ban nhân dân huyện Cái N1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 7.573m^2, còn lại 33.696m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên đã được Ban nhân dân ấp Hòa Trung và Uỷ ban nhân dân xã Lương Thế Trân xác nhận. Đến ngày 02/6/2019, ông Châu Thành C phát hiện bà Nguyễn Thu T và vợ chồng em bà T là bà Nguyễn Thị C3 và ông Lê Oanh L quản lý toàn bộ phần đất tổng diện tích khoảng 54.000m^2. Theo đo đạc thực tế toàn bộ phần đất tranh chấp là 64.245,7m^2. Nay ông Châu Chiến C (Châu Thành C1 yêu cầu bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3 và ông Lê Oanh L trả lại phần đất tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 64.245,7m^2, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C .. Nguyên đơn rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thu T bồi thường

phần tiền canh tác trên đất bà đã chiếm dụng qua các năm tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thu T (Nguyễn Thị T) và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Trong tất cả các giấy nhận chuyển nhượng đất đứng tên Châu Thành C tức là anh Châu Chí C2 (con của bà T và Châu Thái B), chứ không phải Châu Chiến C là của ông Châu Thái B và bà Trương Thanh T. Thực tế ông Châu Thái B và bà Nguyễn Thu T chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn, nhưng do ông Biết và bà Tùng đang tồn tại hôn nhân thực tế nên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi hủy giấy chứng nhận giấy đăng ký kết hôn của ông Biết và bà T. Tất cả các phần đất như nguyên đơn yêu cầu phát sinh từ quan hệ hôn nhân của ông Biết và bà T, trong thời gian ông Biết và bà T chung sống khi bà T mang thai thì dự định đặt tên con là Châu Thành C nên để trong giấy sang nhượng là Châu Thành C, nhưng khi sinh đặt tên là Châu Chí C2. Bà T đã quản lý, sử dụng cùng ông Biết từ năm 1997 đến nay. Đến ngày 02/6/2019, ông Châu Chiến C đưa xáng cuốc vào cuốc đất bà T thì bà T có đơn yêu cầu về tội hủy hoại tài sản chưa được xem xét giải quyết. Trên đất tranh chấp có căn nhà cấp 4 của bà T và anh Châu Chí C2, một dãy nhà trọ của bà Nguyễn Thị C3 và ông Lê Oanh L và một chòi lá của ông Biết. Bà T không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Chiến C đối với bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3 và ông Lê Oanh L.

Buộc bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3 và ông Lê Oanh L phải trả lại cho ông Châu Chiến C phần đất cùng toàn bộ nhà cửa, công trình kiến trúc trên đất theo đo đạc thực tế gồm 03 thửa: Thửa thứ nhất là 12.978m^2, thửa thứ hai là 39.117,7m^2 và thửa thứ ba là 12.090m^2. Tổng diện tích 03 thửa là 64.245,7m^2, các phần đất tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C . (Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Buộc ông Châu Chiến C phải trả lại giá trị căn nhà trên đất cho bà Nguyễn Thu T với số tiền là 156.816.000 đồng. Buộc ông Châu Chiến C phải trả lại giá trị căn nhà trên đất cho bà Nguyễn Thị C3 và ông Lê Oanh L với số tiền là 232.636.560 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Chiến C đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thu T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Châu Chí C2 số tiền là 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử

theo hướng huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2 và bà Nguyễn Thị C3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Trương Lợi tranh luận:* Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng nên yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn Nhánh tranh luận:* Thống nhất với tranh luận của ông Trương Lợi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Chí C2 tranh luận:* Không tranh luận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C3 tranh luận:* Không tranh luận.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Sang tranh luận:* Quyền sử dụng đất của ông Qu, ông Côn còn lại đủ đảm bảo thanh toán nợ vay của Ngân hàng. Ông Châu Chiến C đã tự chuyển nhượng và được ông Biết cho toàn bộ phần đất nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Châu Chiến C là có căn cứ. Yêu cầu bác toàn bộ kháng cáo của anh Châu Chí C2, bà T, bà C3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 64.245,7m^2, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C . bao gồm: Các thửa 105, 111 tờ bản đồ số 3, diện tích 12.978m^2; các thửa 199, 203, 220 tờ bản đồ số 13, diện tích 12.090m^2; các thửa 91, 100, 106 tờ bản đồ số 3, diện tích 39.177,7m^2 theo Bản đồ chỉnh lý năm 2013.

[2] Tại cấp sơ thẩm chưa có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại giai đoạn phúc thẩm, Ủy ban nhân dân huyện Cái N1 có Công văn số 1100/UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024

gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xác định: Thửa 105, tờ bản đồ số 3 theo bản đồ 299 thuộc thửa số 398, tờ bản đồ số 1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0696571 cho ông Nguyễn Văn Qu. Thửa 111, tờ bản đồ số 3 theo bản đồ 299 thuộc thửa số 399, tờ bản đồ số 1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0696352 cho ông Triệu Phú C. Như vậy, hai phần đất tranh chấp trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Qu, ông C và ông Qu, ông C đã thế chấp hai phần đất trên vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Tại cấp sơ thẩm, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có yêu cầu ông Triệu Phú C, ông Nguyễn Văn Qu thanh toán vốn và lãi theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng và công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Qu (Bút lục số 405-416) và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng với ông Triệu Phú C (Bút lục số 383-393) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục để Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu độc lập để giải quyết trong cùng vụ án vì cho rằng phần đất tranh chấp không có thế chấp vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Hơn nữa, án sơ thẩm giải quyết buộc bà T, anh Chí C2, bà C3, ông L trả toàn bộ phần đất diện tích 64.245,7m^2 cho nguyên đơn nhưng không giải quyết về hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp của Ngân hàng là giải quyết không toàn diện vụ án. Do nếu không giải quyết trong cùng một vụ án thì không còn tài sản thế chấp khi Tòa án thụ lý giải quyết hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp.

[3] Tại hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ không chứng minh được: Ông B, bà T có đóng góp như thế nào đối với việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng phần diện tích đất theo đo đạc thực tế 64.245,7m^2**.** Trong khi, bà T và ông B cùng đứng tên cho ông Du Tô Sửa thuê đất được xác nhận của Trưởng ấp H, xã L, huyện C, tỉnh C . vào ngày 08 tháng 3 năm 2016 (Bút lúc số 61-62). Ngoài ra, tại Công văn số 1100/UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cái N1 xác định: Thửa đất 778 tờ bản đồ số 1 Bản đồ 299 (thuộc thửa 100 tờ bản đồ số 3 Bản đồ 2017) do bà Lê Thị Hòa đứng tên giấy chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất 160 tờ bản đồ số 1 Bản đồ 299 (thuộc thửa 220 tờ bản đồ số 13 bản đồ năm 2017) do ông Lê Văn Kiểm kê khai đăng ký nhưng cấp sơ thẩm không ghi ý kiến của những người này là thiếu sót. Do cấp sơ thẩm không làm rõ các vấn đề như đã nhận định trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3. Hủy một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kiện đòi bị đơn trả quyền sử dụng phần đất diện tích 64.245,7m^2.

[5] Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3 không phải chịu. Bà T, anh Chí C2, bà C3, mỗi người có nộp 300.000 đồng, được nhận lại.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3.

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Châu Chiến C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thu T bồi thường thiệt hại cho anh Châu Chí C2 số tiền 400.000.000 đồng.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kiện đòi bị đơn trả quyền sử dụng phần đất diện tích 64.245,7m^2 toạ lạc tại ấp Hoà Trung, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thu T, anh Châu Chí C2, bà Nguyễn Thị C3 không phải chịu án phí. Ngày 19 tháng 9 năm 2023, bà Thuỷ, anh Chí C2, bà C3 mỗi người nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0009499; 0009500; 0009501 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung